

ẢNH HƯỞNG CỦA TAM GIÁO TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN HẬU Ở NAM BỘ

Phạm Ngọc Hương

Tóm tắt:

Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu và các tín ngưỡng thờ cúng dân gian khác trong cộng đồng người Hoa và người Việt đều có ý nghĩa giúp đỡ, củng cố niềm tin của cư dân, thiết lập nên mối quan hệ hợp tác, tương trợ giữa cộng đồng cư dân. Lòng từ bi, bác ái, hài hòa giữa con người và thiên nhiên của Thiên Hậu xuất phát từ các giá trị đạo đức của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, chú trọng cái nhất thể giữa con người với thiên nhiên và đạo đức nhân sinh quan giữa con người với vạn vật tự nhiên. Bài viết tìm hiểu ảnh hưởng của Tam giáo, từ kiến trúc miếu, phối thờ thần trong miếu Thiên Hậu đến tư tưởng Tam giáo dung hợp qua hình tượng Thiên Hậu trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Nam Bộ. Qua đó bài viết làm rõ thêm đời sống tín ngưỡng của người dân cũng như nội hàm văn hóa trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Nam Bộ.

Từ khóa: Văn hóa, Tín ngưỡng, Thiên Hậu, Tam giáo, Nam Bộ.

*

1. Mở đầu

Hoạt động tín ngưỡng là một yếu tố không thể thiếu trong đời sống tâm linh của một bộ phận không nhỏ cư dân tại vùng đất Nam Bộ. Đặc biệt ở một số nơi có nhiều cư dân người Việt gốc Hoa sinh sống, việc sùng bái tín ngưỡng thờ tự Thiên Hậu theo truyền thống Trung Hoa là việc làm không thể thiếu được của họ. Đó vừa là nét đẹp văn hóa truyền thống của người Việt gốc Hoa nói riêng vừa là việc bảo tồn văn hóa truyền thống của người dân Nam Bộ nói chung. Tín ngưỡng Thiên Hậu du nhập vào Việt Nam chủ yếu thông qua con đường giao lưu văn hóa, do thương nhân và di dân người Hoa mang tới Việt Nam vào thế kỉ XVI - XIX theo dòng di dân người Hoa thời Minh, Thanh. Bài viết tìm hiểu ảnh hưởng của Tam giáo trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Nam Bộ, qua đó, làm rõ thêm đời sống tín ngưỡng của người dân cũng như nội hàm văn hóa và vai trò xã hội của miếu Bà đối với người Việt gốc Hoa nói riêng và với toàn thể người dân Nam Bộ nói chung.

2. Nguồn gốc hình thành và sự phát triển của tín ngưỡng thờ Thiên Hậu

Thờ tự Thiên Hậu là một trong những tín ngưỡng chính của các cư dân người Hoa sống ở ven vùng biển Trung Quốc trước đây. Về nguồn gốc xuất thân của Bà, từ đời Tống đến nay, vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Có người cho rằng bà xuất hiện từ cuối thời Ngũ Đại đầu thời Tống, người Mi Châu, Bồ Điền, Phúc Kiến, tên Lâm Thị Nữ, tên Mặc, hay Mặc Nương. Sau khi được sắc phong, người dân thường gọi là Thiên Hậu Thánh mẫu, hay còn gọi là Ma Tổ, Ma Nương. Thiên Hậu là một trong những vị thần phổ biến nhất trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa. Những truyền thuyết kì lạ về những cuộc giải cứu của Thiên Hậu đã hình thành nên tín ngưỡng thờ Bà.

Văn bia trong chùa Bà Thiên Hậu (Bình Dương) cho biết: “Bà sinh vào thời Tống Kiến Long nguyên niên (năm 960-987), là con thứ 6 trong gia đình họ Lâm ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, Trung

Quốc. Khi mới lọt lòng mẹ, Bà đã tỏa ánh hào quang và hương thơm, lớn lên Bà thường cưỡi thảm bay lượn trên biển và du ngoạn nhiều nơi. Đến đời Tống Ung Hy thứ 4 (năm 987), Bà 27 tuổi từ già cõi trần và hiển linh. Đời Nguyên, Bà được phong là Thiên Phi, đến đời Thanh, vua Khang Hy gia phong làm Thiên Hậu. Và danh hiệu đó tồn tại cho đến ngày nay”. Văn bia *Trùng tu Hà Chương hội quán bi văn 重修霞漳會館碑文* đề năm Đồng Trị thứ 10 năm 1871 ở hội quán Hà Chương (Quận 5, Tp. HCM) ca ngợi công lao của Bà: “...trăm kiếp mẫu nghi ơn sâu nặng, vùng Mi Đảo ban ngày bay lượn, tới Đông Nam làm thần biển ẩn danh tông tích. Bởi Thiên Hậu lúc sinh có điềm tốt nên làm thần có công giữ yên bề lặng. Sử sách ghi bà được 24 lần phong tặng, khi dựng miếu xong, bà được phong thêm là Thiên thượng Thánh Mẫu, cũng là nhờ có công với dân, sánh ngang cùng thượng đế, nên gọi như vậy. Thiên Hậu giúp nước cứu dân nên đáng được thiên hạ muôn đời lễ bái. Từ thời Tống đến nay trải qua hơn một nghìn năm, công lao Thiên Hậu rực rỡ to lớn, chói lọi khắp vùng biển cả, sử thần đều ghi, há không lớn lao sao?”⁽¹⁾. Theo một tích khác, Bà tên thật là Lâm Mặc Nương, theo học pháp đạo, là người có lòng từ bi và trí tuệ, lúc còn sống Bà thường làm việc thiện cứu người, sau khi mất được phong thần. Nhiều câu chuyện còn lưu truyền lại trong dân gian đều cho rằng lúc còn sống cũng như sau khi mất, Bà đều liên tục giúp người cứu khổ, cứu nạn. Bắt đầu từ thời Tống, Bà đã được phong là “Phụ nhân”, sang đời Nguyên, Minh, Thanh, Bà lần lượt được phong làm “Phi”, “Thiên Phi”, “Thiên Hậu” đến “Thiên Hậu Thánh Mẫu”.

Tín ngưỡng Thiên Hậu là một loại hình tín ngưỡng dân gian đã theo chân những người Hoa sang đất Việt Nam và dần bén rễ nơi đây trở thành tín ngưỡng dân gian mang nét văn hóa đặc thù của người Hoa nói riêng và người Việt nói chung. Tín

ngưỡng Thiên Hậu có ở trên khắp đất nước Việt Nam nhưng tập trung nhiều ở Nam Bộ, vì nơi đây có nhiều người Hoa sinh sống, mà tập quán của người Hoa là đi tới đâu họ mang theo tín ngưỡng của riêng mình tới đó. Đa số mỗi tỉnh thành ở Nam Bộ đều có miếu thờ Thiên Hậu. Theo Nguyễn Ngọc Thơ, “Ngoài vùng Tây Nam Bộ tổng cộng có 74 miếu Thiên Hậu thì ở vùng Đông Nam Bộ là địa phương đứng thứ hai về số miếu Thiên Hậu với 58 miếu thờ” (Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 71). Nhiều miếu thờ Thiên Hậu đã Việt hóa hoàn toàn hay Việt hóa một phần, thể hiện sinh động quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa người Việt và người Hoa ở vùng đất Nam Bộ.

Mỗi lưu dân khi đến định cư, làm ăn ở vùng đất mới đều mong muốn được đền ơn đáp nghĩa những vị thần đã phù trợ cho mình trên đường đi được bình an, cuộc sống nơi vùng đất mới được an cư thịnh vượng. Vì vậy, họ đã dựng miếu thờ để tạ ơn thần, ca ngợi công lao trời biển của thần. Khi người Hoa di cư đến Việt Nam, họ đã mang theo tín ngưỡng này. Đặc biệt “từ Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến hầu hết các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đều có miếu Thiên Hậu, có nơi gọi là miếu Bà Mã Châu, có nơi gọi là miếu Thiên Hậu, miếu Chúa Xứ - Thiên Hậu hay Thiên Hậu cung, hết thảy đều tồn tại và phát triển hết sức sinh động trong bức tranh sinh hoạt tín ngưỡng và văn hóa cộng đồng địa phương” (Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 10-11). Từ truyền thuyết, Bà đã bước vào tín ngưỡng dân gian và luôn được thờ tự, hương khói từ đời Tống đến nay ở các cộng đồng người Hoa nhiều nơi trên thế giới. Cho dù có nhiều thuyết khác nhau về cuộc đời của Bà, nhưng nhìn chung đều ca ngợi và suy tôn Bà là một người phụ nữ đức hạnh, hiếu thảo, xả thân cứu người và khi chết hiển linh, được các triều đại phong kiến Trung Quốc phong tặng. Trải qua nhiều đời, Bà luôn được tôn sùng, ngưỡng mộ và

phụng thờ như một vị thánh. Ở Việt Nam, Bà cũng là một vị thần che chở cho dân thường và những người Hoa di dân đến sống tại đây. Người Hoa muốn thông qua tấm gương của Bà, giáo dục con em của mình học tập lòng hiếu thuận, đức nhân hậu, sống có đạo nghĩa. Mặt khác, trên con đường vượt sóng gió biển khơi, đi về hướng Nam lập nghiệp, mưu sinh đầy gian nan, họ luôn cầu nguyện Bà phù hộ, giúp đỡ. Sau khi đã ổn định, mưu sinh nơi đất khách quê người, làm ăn phát đạt, họ lại cùng nhau lập miếu thờ tự Bà để tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Bà.

3. Khái niệm tam giáo

Tam giáo là khái niệm dùng để chỉ ba trường phái Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo. Tam giáo bắt nguồn từ Trung Quốc, sự phát triển của Tam giáo ở Trung Quốc có thể chia làm nhiều giai đoạn khác nhau, giai đoạn Ngụy-Tấn, Nam Bắc Triều, Đường-Tống và Nguyên-Minh-Thanh. Tìm hiểu về mối quan hệ của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo, có thể thấy rõ những khác biệt, những diễn biến tư tưởng cơ bản mang nét đặc trưng riêng trong từng tôn giáo, tuy vậy chúng vẫn song hành, cùng tồn tại, bao hàm và dung hợp lẫn nhau, tạo thành mạch nguồn xuyên suốt trong sự phát triển văn hóa Trung Quốc và du nhập tới các nước có nền văn hóa tương đồng, trong đó có Việt Nam. “Tam giáo đã truyền vào Việt Nam từ hồi Bắc thuộc. Ảnh hưởng của các đạo này vừa sâu vừa rộng, trên cả các tầng lớp dân gian Việt Nam, không lớp nào là không có mặt Tam giáo; khắp lãnh thổ nước nhà, không chỗ nào là Tam giáo chẳng tới nơi” (Nguyễn Văn Hào 1957: ix-x). Trong tam giáo thì Đạo giáo là thích hợp với tín ngưỡng gốc của người Việt, vì trước khi Tam giáo du nhập vào thì người Việt đã thờ các vị thần có liên quan đến các yếu tố thiên nhiên như mưa, gió, sấm, sét... để che chở cho con người cũng như giúp mùa màng bội thu. Vì vậy, Đạo giáo nhanh chóng hòa nhập

vào các tập tục dân gian của người Việt. Sau khi du nhập vào Việt Nam, ba tôn giáo Nho, Phật, Đạo đã sớm trở thành yếu tố cốt lõi trong tín ngưỡng của người Việt.

Nói đến văn hóa Nho, Phật, Đạo là nói đến mối tương quan, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau giữa Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Chức năng chủ yếu trong Nho giáo là *trị thế*. Đó là một loại hình thái ý thức cai trị đất nước, thiết lập các chế độ điền chương và quy phạm lễ nghĩa của xã hội truyền thống. Chức năng chủ yếu của Đạo giáo là *trị thân*, cũng chính là tu thân, an hưởng cuộc sống trường sinh bất lão, điều mà con người luôn muốn hướng đến. Chức năng chủ yếu trong Phật giáo là trị tâm, là việc tu tâm dưỡng tính để loại bỏ phiền não. Sự kết hợp của Tam giáo mang lại nhiều ý nghĩa cho xã hội và cuộc sống nhân sinh. Cả Nho, Phật, Đạo đều có thể làm nên sức mạnh ý thức trong xã hội và mỗi một tôn giáo đều có phạm vi ảnh hưởng riêng. Tuy rằng nguồn gốc không giống nhau, nhưng xuất phát điểm và mục đích cuối cùng đều ở việc duy trì bảo vệ nền tảng đạo đức xã hội và lợi ích của chế độ chính trị. Nhiều quan điểm trong mỗi tôn giáo là khác nhau, nhưng mục đích của cả ba đều hướng tới những việc tốt đời đẹp đạo. “Đạo Phật dạy tránh ác làm lành, đạo Lão chủ trương dưỡng tính tồn chân, đạo Nho khuyên ta giữ vẹn cương thường, luân lý” (Nguyễn Văn Hào 1957: 105).

4. Ảnh hưởng của Tam giáo trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại Nam Bộ

4.1. Ảnh hưởng của Tam giáo trong kiến trúc, phối thờ thần trong miếu thờ Thiên Hậu

Tư tưởng của Tam giáo đã thâm nhập vào các tín ngưỡng dân gian và điều này thể hiện tương đối rõ nét trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu. Trong các ngôi miếu thờ Thiên Hậu đều có phối thờ các vị thần tiên theo truyền thống của Đạo giáo, thờ Phật theo truyền thống của Phật giáo. Chính vì lẽ đó

mà nhiều miếu Thiên Hậu tại Nam Bộ, ban đầu vốn là miếu, sau đổi thành chùa. Dân gian đã coi Thiên Hậu như một vị Phật.

Sự từ bi cứu thế của Thiên Hậu thường được ví với Phật bà Quan thế âm Bồ Tát. Nguyễn Ngọc Thơ cho rằng: “Trong tư tưởng người Việt, miếu thờ Thiên Hậu là “nhà chùa” (chùa Thiên Hậu) và Bà Thiên Hậu hiển linh như Phật Bồ Tát vậy. Ngược lại, để thể hiện xu hướng hòa vào dòng chảy chủ lưu của văn hóa Việt và để thu hút nhiều khách viếng hơn, một số miếu Thiên Hậu ở Nam Bộ bắt đầu thỉnh tượng Thích Ca hay Quan Âm vào phối thờ, hoặc trang trí theo lối Phật giáo” (2017: 260). Miếu Thiên Hậu (thành phố Trà Vinh) ngoài chính điện thờ Thiên Hậu thì bên phải là Quan Âm các phối thờ Quan Âm. Dấu ấn Phật giáo còn thể hiện qua vòng hào quang Phật sau tượng Thiên Hậu trong hầu hết các miếu thờ hoặc tháp Phật đăng trong chính điện miếu Ôn Lăng của người Phúc Kiến (quận 5, Tp. HCM). Đặc biệt tại những ngôi miếu lớn, hàng năm có tổ chức long trọng các kì cúng lễ thì càng thấy rõ điều đó. Có thể kể đến các chùa Bà Thiên Hậu tiêu biểu như: chùa Bà Thiên Hậu Tuệ Thành, chùa Bà Hải Nam (Tp. HCM), chùa Bà Thiên Hậu Sùng Chính (Vũng Tàu), chùa Bà Thiên Hậu (Bình Dương), chùa Bà Thiên Hậu (Tam Bình, Vĩnh Long), chùa Bà Thiên Hậu (Giá Rai, Bạc Liêu), chùa Bà Thiên Hậu (Sông Đốc, Cà Mau), chùa Thiên Hậu (Thới Bình, Cà Mau), chùa Bà Mã Châu (Hà Tiên)... Tại các chùa bà Thiên Hậu này đều có phối thờ Phật bà Quan Âm Bồ Tát.

Thiên hậu cổ miếu ở thị trấn Cái Bè do ngũ bang đóng góp xây dựng từ hơn 100 năm trước, ngoài thờ chính là Thiên Hậu còn phối thờ Quan Công, Đức Khổng Tử, Thất cung Huyền nữ, Phúc Đức Chính Thần, Phật Thích Ca... Trong suy nghĩ của nhiều người Hoa và người Việt, Thiên Hậu vừa là Thánh Mẫu vừa là Phật Bà Quan Âm, nên nhiều miếu phối thờ giữa Thiên Hậu và Phật

Bà Quan Âm, các nghi thức cúng tế trong miếu thực hiện theo cả hai phong cách Phật giáo và tín ngưỡng dân gian như Chùa Bà Thiên Hậu (phường 5, thành phố Tân An, Long An) và chùa Thiên Hậu (21 Lê Trực, Bình Thạnh, Tp. HCM). Theo Nguyễn Ngọc Thơ: “Phong cách kiến trúc và mỹ thuật dân gian gắn với hệ thống các miếu thờ Thiên Hậu ở Tây Nam Bộ nhìn chung chịu sự chi phối mạnh mẽ của tư tưởng xã hội chính thống (Nho giáo), mang tính biểu trưng và tính biểu cảm cao, phản ánh trong từng mô típ hoa văn và điêu khắc. Phong cách kiến trúc và mỹ thuật trang trí ấy hàm chứa cả những giá trị thiêng (tính tôn nghiêm, uy lực và chất huyền bí của thế giới siêu nhân) và những giá trị thế tục (tính gần gũi của cảnh quan và vật thể gắn với đời thường, tính thăng hoa của sáng tạo nghệ thuật), trong đó giá trị thiêng là tiên quyết” (2017: 183).

Ngoài các chùa/miếu Thiên Hậu phối thờ các vị thần khác ra thì trong nhiều miếu thờ Quan Đế cũng có phối thờ Thiên Hậu như: miếu Quan Đế (Rạch Giá), miếu Quan đế (Hà Tiên), miếu Quan Đế (hội quán Hải Nam, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang), miếu Quan Đế (thị trấn Ba Tri, Bến Tre), miếu Quan Đế (phường 7, thành phố Vị Thanh, Hậu Giang), miếu Quan Công (Long Xuyên, An Giang), Chùa Ông (hội quán Nghĩa An, Tp. HCM), miếu Quan Thánh (Ninh Kiều, Cần Thơ), miếu Quan Thánh Đế Quân (hội quán Minh Hương Long Xuyên), miếu Quan Đế (thị trấn Ngan Dừa, Huyện Hồng Dân)...

Nhìn chung, các tượng thần phối thờ rất phong phú và đa dạng, từ các thần thánh như Khổng Tử, Quan Công cho đến các vị thần trong dân gian như Quan Âm, Địa Mẫu, Bà Chúa Xứ... thể hiện sự dung hợp Nho, Phật, Đạo cùng tín ngưỡng văn hóa dân gian thờ Mẫu của người Việt trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu. Có thể kể đến các nơi thờ tự như: miếu Thiên Hậu (Gành Hào, Đông Hải, Bạc Liêu) nằm trong quần thể

Lăng Ông Nam Hải, miếu Thiên Hậu, điện Ngọc Hoàng, điện Kim Hoàng Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu), miếu Vạn Ban, miếu Thủy Long, miếu Thổ Địa và Quan Âm Phật đài... Các miếu phối thờ Thiên Hậu có: miếu Địa Mẫu, cung Cửu thiên Chúa Xứ (thành phố Bạc Liêu), Thiên Hậu cung Thất Sơn (Tỉnh Biên An Giang) ngoài Thiên Hậu còn phối thờ Phúc Đức, Quan Công, Vạn Phật Đại Tiên, Ngọc Hoàng thượng đế, Quan Âm... Miếu Ôn Lăng (quận 5, Tp. HCM) phối thờ Thiên Hậu, Ngọc Hoàng thượng đế, Phật Quan Âm với những vị thần khác như Bao Công, Thành Hoàng... Nhóm thờ Thiên Hậu của người Hoa Triều Châu thường phối thờ: Thiên Hậu, Quan Công, Quan Âm; miếu thờ Thiên Hậu Tuệ Thành (quận 5, Tp. HCM) phối thờ bộ ba Kim Hoa Nương nương - Thiên Hậu - Long Mẫu nương nương. Quan Công, Thiên Hậu và Quan Âm cùng được phối thờ trong chính điện chùa Đại Giác (Cù Lao Phố, Biên Hòa, Đồng Nai). Thậm chí, người dân ở ngoại vi thành phố Trà Vinh coi Thiên Hậu như một vị Chúa Xứ; trong khi hội quán Minh Hương (thành phố Vĩnh Long) và miếu Thiên Hậu Ba Kè (Hòa Lộc, Tam Bình, Vĩnh Long) lại có sự gắn kết mật thiết với tục thờ Quan Âm, do vậy các sinh hoạt nghi lễ mang màu sắc Phật giáo sâu sắc. Nói về việc phối thờ này, Nguyễn Ngọc Thơ cho biết: “Ở loại hình miếu phối thờ Thiên Hậu, khắp Tây Nam Bộ có khoảng 60 miếu tự, chủ yếu thờ các vị nam thần như Quan Công, Bắc Đế, Phúc Đức chánh thần, Cầm Thiên Đại Đế, Bảo Sinh Đại Đế có phối thờ Thiên Hậu” (2017: 109).

Những miếu thờ Thiên Hậu tại Nam Bộ có phối thờ Quan Công có thể kể đến: Thiên Hậu cung Quảng Triệu, miếu thờ Thiên Hậu (hội quán Hải Nam (thành phố Rạch Giá, Kiên Giang). Nơi đây thậm chí có treo bích họa đào viên kết nghĩa và tranh Không Tử. Ở nhiều nơi, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Việt đã bản địa hóa

gần như hoàn toàn, “đồng thời còn chủ động “tái cấu trúc” hình tượng bà Thiên Hậu theo nhân sinh quan và vũ trụ quan của tộc người mình. Các đặc điểm ấy thể hiện đầy đủ và sống động qua phong cách kiến trúc và mỹ thuật trang trí miếu thờ Thiên Hậu trong vùng, phần nào đó là những minh chứng quan trọng cho tính cách mở - thoáng của người Việt Nam Bộ trong việc thu nạp và bản địa hóa văn hóa tha nhân trước khi làm phong phú thêm truyền thống văn hóa dân tộc mình” (Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 181)

4.2. Tư tưởng Tam giáo dung hợp qua hình tượng Thiên Hậu

Truyền thuyết về sự ra đời của Thiên Hậu hầu hết đều liên quan đến sự giúp đỡ của Quan Âm. Và khi tạo hình tượng bên ngoài của Thiên Hậu, người ta đã vô thức kết hợp các yếu tố Phật giáo. Hầu hết các tượng Thiên Hậu thấy trong các miếu thờ ngày nay đều có dáng thẳng, động tác thanh thoát, vai tròn, mặt tròn, khuôn mặt xinh đẹp, môi đỏ giống với các vị thần trong Phật giáo. Thần thái thông thường của các vị thần trong Phật giáo với đôi mắt khép nhẹ và hơi nghiêng xuống thường được những người tạo tượng Thiên Hậu mô phỏng. Phật giáo dùng hoa sen để tượng trưng cho Đức Phật, đài sen nơi chầu Phật và Bồ Tát ngồi thường được dùng làm chỗ ngồi của Thiên Hậu. Người ta mong Thiên Hậu sẽ đảm nhận việc cứu khổ cứu nạn tất cả chúng sinh. Việc thần thông biến hóa của Thiên Hậu cũng phản ánh sự chuyển hóa của Phật giáo.

Thiên Hậu từ khi sinh ra đến nay đã 1060 năm. Những việc thiện cứu người của Bà ban đầu chủ yếu diễn ra dọc theo bờ biển Phúc Kiến và trên biển. Bà tượng trưng cho người mẹ hiền có tình yêu thương vô bờ bến giúp đỡ, che chở cho các thế hệ sau. Có thể nói: “Thiên Hậu còn được người ta thờ phụng với ước vọng mang lại những an lành cho những người phụ nữ mang thai, lúc sinh nở, trẻ em khỏe mạnh” (Ngô Đức

Thịnh 2012: 356). Thiên Hậu là vị thần che chở và mang đến cho người dân sự bình an trong cuộc sống trước những nguy nan, hiểm trở. Trong tâm thức của người dân địa phương, Thiên Hậu là vị thần có khả năng chữa bệnh và mang lại sức khỏe cho họ khi gặp bệnh tật. Việc cúng bái thần linh để cầu mong ban sức khỏe là một nhu cầu cần thiết vốn có từ xa xưa. Hoàng Trọng Nguyên cho rằng: “Thiên Hậu là sự hóa thân của Phật Đà” (1987: 626-627). Thiên Hậu là vị thần hóa thân của Phật Quan Âm Bồ Tát, bản chất tín ngưỡng của Thiên Hậu bao gồm cả Phật giáo. Quan Âm Bồ Tát là vị thần có mối liên quan sớm nhất với Thiên Hậu. Khi mẹ Thiên Hậu mang thai đã năm mộng thấy Quan Âm Bồ Tát hiện về nói ban tặng con gái cho bà, nên khi sinh ra, Bà đã khác người. Từ đó có thể thấy, khi Thiên Hậu sinh ra đã có mối liên hệ mật thiết với tín ngưỡng Quan Âm. Trong truyền thuyết về Thiên Hậu còn cho rằng Bà là Long Nữ trong điện Quan Thế Âm, khi đi tuần trên biển, thấy ngư dân bị quái vật làm hại nên đã cầu xin Quan Âm Bồ Tát xuống trần gian để cứu giúp dân. Mối liên hệ giữa Thiên Hậu và Quan Âm Bồ Tát đã thúc đẩy sự lan truyền nhanh chóng của tín ngưỡng Thiên Hậu. Cũng chính vì lẽ đó mà hiện nay Quan Âm Bồ Tát cũng được thờ phụng trong miếu Thiên Hậu. Từ việc thờ tự trong chùa Thiên Hậu có thể thấy rằng Thiên Hậu và Phật Bà Quan Âm nói chung đều có chung một ngôi chùa, cho thấy mối quan hệ giữa tín ngưỡng Thiên Hậu và tín ngưỡng Quan Âm vô cùng khăng khít, tức là bản chất của tín ngưỡng Thiên Hậu bao gồm cả Phật giáo. Theo Nguyễn Ngọc Thơ: “Trong suốt quá trình lịch sử, tục thờ bà Thiên Hậu đã tích hợp yếu tố Phật giáo (thờ Quan Âm Bồ Tát), yếu tố Đạo giáo (tục thờ Lâm Thủy phu nhân, Tiễn phu nhân, Ý Mỹ nương nương...), yếu tố tín ngưỡng thờ thần tiên hết sức phong phú...” (2017: 248).

Ngoài những truyền thuyết dân gian, là những truyện kể trong văn học có cốt truyện và các tình tiết cụ thể về cuộc đời của Thiên Hậu. Đặc biệt là những câu chuyện có liên quan đến Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Từ đó có thể hiểu rõ hơn về bản chất tôn giáo trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu. Đạo giáo xem Thiên Hậu như “Ngọc nữ Diệu Hạnh” và trong Đạo giáo có “Thái Thượng Lão Quân thuyết Thiên Phi cứu khổ linh nghiệm kinh”, Thái Thượng Lão Quân là tôn hiệu của vị thần tiên tối cao trong Đạo giáo, Thiên phi ở đây chính là chỉ Thiên Hậu, và Ngọc nữ Diệu Hạnh là do Thái Thượng Lão Quân phái xuống. Nho giáo lại gọi Thiên Hậu là một hiền nữ, hiếu nữ, cũng là một vị trung thân, đã nhiều lần bảo hộ, cứu nạn cho các sứ thần của triều đình đi trên biển.

Tín ngưỡng Thiên Hậu thuộc về loại hình tín ngưỡng dân gian. Người dân chịu ảnh hưởng từ những truyền thuyết về cuộc đời Thiên Hậu, việc xây dựng miếu thờ Bà và những câu chuyện khác nhau về Bà liên quan đến Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Người dân có một sự tôn sùng đặc biệt đối với Thiên Hậu, điều đó dần trở thành một tập tục xã hội đặc biệt, tạo thành một văn hóa Thiên Hậu phổ biến trên thế giới. Hình tượng Thiên Hậu thể hiện một hình ảnh chân thực đẹp đẽ trong lòng người dân. La Xuân Vinh trong nghiên cứu văn hóa Thiên Hậu cho rằng: “Tín ngưỡng Thiên Hậu tại Trung Quốc trải qua hơn 1000 năm lịch sử, tồn tại trong môi dung hòa với Đạo giáo, Phật giáo và quan hệ thỏa hiệp với Nho giáo, dung hòa kiến tạo nên diện mạo văn hóa Hoa Nam rất đặc sắc” (Dẫn theo Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 59).

Tín ngưỡng Thiên Hậu bao gồm một số yếu tố của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Trong những câu chuyện liên quan giữa Thiên Hậu và Nho giáo, những việc làm về lòng trung thành, hiếu thảo và nhân từ cứu giúp người, bảo vệ sông ngòi, vận chuyển đường thủy..., đều được giải thích

theo quan điểm Nho giáo. Trong những câu chuyện giữa Thiên Hậu và Phật giáo là truyền thuyết về sự ra đời của Thiên Hậu có liên quan đến Phật Bà Quan Âm. Trong những câu chuyện giữa Thiên Hậu và Đạo giáo có những chuyện về việc học đạo pháp của Thiên Hậu, Thiên Hậu đã trở thành một vị thần cứu tinh của thế giới thông qua Đạo giáo. Trong kinh điển Đạo giáo, Thiên Hậu được liệt vào hạng thần của Đạo giáo, và Bà được chỉ định xuống cứu giúp trần gian. Tín ngưỡng Thiên Hậu cũng được đưa vào hệ thống Đạo giáo. Từ đó cho thấy mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa tín ngưỡng Thiên Hậu với Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Có thể thấy Thiên Hậu là vị thần có bản chất tinh hoa của Phật - Đạo, cứu người, giúp người vượt qua nguy nan là biểu hiện của “trung nghĩa”, “nhân ái”, “hòa bình” trong Nho giáo. Theo nhà nghiên cứu Trương Tuần: “Người Trung Quốc và Đài Loan thờ Ma Tô - Thiên Hậu, coi bà là thủy - hải thần, là nữ thần hộ mệnh, nữ thần sinh sôi, nữ thần khai sơn..., thi thoảng đồng nhất với Quan Âm trong Phật giáo, Tây vương Thánh mẫu trong Đạo giáo, với Lâm Thủy phu nhân, Kim Hoa phu nhân trong tín ngưỡng thờ mẫu vùng Hoa Nam” (Dẫn theo Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 60). Hơn nữa, liên quan đến lịch sử triều đại, triều nhà Nguyên bị người Mông Cổ xâm chiếm vùng đồng bằng trung tâm, họ có cái nhìn thông thoáng đối với các tôn giáo, đa dạng hóa hệ tư tưởng và có nền tảng về Tam giáo. Họ chủ trương trị quốc dùng đạo Nho và coi trọng cả Nho, Phật, Đạo. Chính vì vậy nên chúng ta có thể thấy rõ văn hóa tín ngưỡng Thiên Hậu thời nhà Nguyên là sự bao trùm của tư tưởng triết học và sự hòa hợp của Nho, Phật, Đạo. Các dòng tư tưởng đó đã liên tục diễn tiến, thực hành. Để tỏ lòng biết ơn Thiên Hậu đã giúp đỡ trong việc vận chuyển, giao thông đường thủy, triều đình nhà Nguyên đã nhiều lần tổ chức nghi lễ lớn cúng tế Thiên Hậu. Trước mỗi cuộc hành trình, vận chuyển

hàng hóa trên biển, triều đình đều cử sứ giả đến cúng tế. Thiên Hậu đã thể hiện tinh thần Nho giáo để bảo vệ đất nước và nhân dân, cũng như tấm lòng từ bi cứu nhân độ thế của Phật giáo, đồng thời cũng hiển hiện là một nữ thần Đạo giáo có thể cưỡi mây vượt biển, xua đuổi ma quỷ, cứu thế giới.

Tín ngưỡng Thiên Hậu thông qua những nghi thức thờ tự, cầu bình an thể hiện lí tưởng nhân sinh và nhu cầu sinh tồn của con người. Tất cả những điều này đều biểu hiện trong văn hóa tín ngưỡng Thiên Hậu. Mỗi người dân tùy theo nhu cầu thực tế của bản thân mà có những lời cầu khẩn khác nhau trước Thiên Hậu. Người dân thường thì cầu bình an trong cuộc sống, thương nhân thì cầu sự nghiệp thuận lợi buôn may bán đắt, cộng đồng thì cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu... Những ghi chép về việc làm hiếu thảo và nhân từ của Thiên Hậu đều dựa trên nền tảng, tư tưởng Nho giáo. Các thuộc tính tôn giáo của tín ngưỡng Thiên Hậu là do sự công nhận lẫn nhau của Tam giáo. Trịnh Chí Minh cho rằng: Tín ngưỡng dân gian là chỉ các tôn giáo dân gian được xã hội hóa và thế tục hóa, bắt nguồn từ việc sùng bái vật linh của tín ngưỡng nguyên thủy cổ đại. Tín ngưỡng Thiên Hậu là một tôn giáo không phải Nho, không phải Phật cũng không phải Đạo, nhưng lại có một quan hệ mật thiết không thể tách rời với Tam giáo. Tín ngưỡng dân gian tự bản chất là một tập hợp các quan niệm, được truyền thừa lại thế giới tâm linh của làng xã nông thôn trăm họ trong tập tục xã hội “người dân ngày nào cũng dùng mà không để ý tới”⁽²⁾ (1999: 175-176).

Tinh thần của Thiên Hậu thể hiện trong sự *khoan dung* và *hòa* (*hòa hợp, dung hòa*). Hòa là đặc điểm quan trọng giúp phân biệt Thiên Hậu với các vị thần khác. Hòa có vai trò quan trọng trong Nho giáo. Nho giáo chủ trương Hòa, sách *Trung dung* nói rằng: “和也者，天下之達道也! Hòa là đạo lí mẫu

mục của thiên hạ vậy”. Đạo giáo cũng nhấn mạnh đến *Hòa*, Đạo giáo cho rằng *Hòa* là quy luật của vũ trụ. Vạn vật hòa giữa trời đất là vô cùng đáng quý. Sách *Lão Tử*, chương 42 Đạo hóa nói rằng: “Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Trong vạn vật không có vật nào không công âm và âm dương. Ở giữa là nguyên khí dung hòa”. Phật giáo cũng chủ trương *Hòa*. *Duyên* là một trong những luân lý căn bản của Phật giáo, cho rằng mọi *chúng duyên* đều hòa hợp và vạn vật trên đời đều có mối quan hệ cộng sinh, vạn vật đều do duyên sinh ra. Vì vậy, Phật giáo nói đến lục hòa. Đây là một quy luật quan trọng của Phật giáo và là nguyên tắc cơ bản để tín đồ Phật giáo sống hòa hợp. Hòa là giá trị cốt lõi và tinh thần chủ đạo của Phật giáo. Hòa đã dung hợp trong hình tượng Thiên Hậu, sự bao dung và hòa hợp đã khiến Thiên Hậu trở thành biểu tượng của tình mẫu tử và lòng nhân ái.

4.3. Nội hàm văn hóa trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu

Tín ngưỡng Thiên Hậu đã trở thành giá trị tinh thần chung của người Hoa khắp mọi nơi. Do điều kiện lịch sử phát triển và phạm vi lan tỏa đặc biệt nên tín ngưỡng Thiên Hậu không đơn thuần được nhìn nhận dưới góc độ văn hóa tín ngưỡng dân gian mà còn mang tính biểu tượng của văn hóa dân tộc Hoa. Ở Nam Bộ, các địa điểm tụ tập của người Hoa thường lấy chùa Thiên Hậu làm trụ sở tổ chức và lấy đó làm địa điểm chính cho các hoạt động cộng đồng. Văn hóa Thiên Hậu dễ dàng giao tiếp, hiểu biết và hòa hợp với các nền văn hóa truyền thống khác, điều này vô hình trung thúc đẩy sự kết nối tình cảm giữa người Hoa và người Việt và các tộc người khác, đạt đến tình đoàn kết như người trong một nhà. Việc lan tỏa văn hóa Thiên Hậu có thể sẽ phát huy được sự gắn kết, sáng tạo của người dân nói chung.

Từ góc độ lịch sử, triều đình nhà Tống có xu hướng thiên dời xuống phương Nam,

Thiên Hậu sinh ra ở đây và vào đúng thời điểm này đã giúp đỡ vô số người dân và quan quân nhà Tống vượt biển xuôi về phía Nam. Thiên Hậu xuất hiện, dường như đó là sự ứng với thay đổi lịch sử này, cũng là những khát khao, mong đợi của người vượt biển tìm nơi an cư lạc nghiệp. Vốn ban đầu được tôn xưng là thần biển, đến nơi di dân khai khẩn lập nghiệp, Bà lại tiếp tục phù hộ, giúp đỡ cho những người dân và đã trở thành một vị thổ thần nơi đất liền. Thiên Hậu không còn chỉ đơn thuần là vị thần biển nữa, và tín ngưỡng thờ Thiên Hậu đã trở thành tín ngưỡng dân gian kết hợp giữa yếu tố thủy và thổ của di dân người Hoa khi đến vùng đất mới. Theo Nguyễn Ngọc Thơ: “Trong số các đóng góp của văn hóa người Hoa, tín ngưỡng Thiên Hậu vừa được coi là một loại hình di sản văn hóa phi vật thể, vừa là biểu tượng của giao lưu - tiếp biến văn hóa. Là nơi gặp gỡ, nơi thể hiện đức tin và là nơi thiết lập, thực hành và củng cố các mối quan hệ hữu hình và vô hình của văn hóa tín ngưỡng dân gian, các miếu tự (cơ sở thờ tự) của người Hoa được ví như một bảo tàng sống của các giá trị văn hóa, xã hội và kinh tế” (Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 117).

Từ sự lan tỏa của văn hóa Thiên Hậu đã hình thành nên nhiều chủ đề học thuật liên quan để chúng ta nghiên cứu, như văn hóa Thiên Hậu trong vấn đề ngoại giao, lịch sử hàng hải, kinh tế thương mại, khai hoang, phát triển khoa học công nghệ... Văn hóa Thiên Hậu còn thể hiện cả trong kiến trúc miếu thờ, sản phẩm thủ công dân gian, trang phục Thiên Hậu, các phong tục, quy định, lễ hội truyền thống khác nhau về Thiên Hậu. Trong quá trình hội nhập lâu dài ở Nam Bộ, nó đã hình thành nên những khuôn mẫu ứng xử đặc thù, như nghi lễ rước kiệu Bà ở Chùa Bà Thiên Hậu Tuệ Thành, chùa Bà Bình Dương, hay các hoạt động dân gian khác hàng năm tổ chức trong các chùa Bà Thiên Hậu khác ở khắp nơi trong Nam Bộ.

Trong những câu chuyện về cuộc đời của Thiên Hậu đều có liên quan đến Tam giáo, cho thấy xã hội dân gian nói chung chịu sự ảnh hưởng khá phổ biến của những câu chuyện truyền thuyết về Thiên Hậu, từ đó tạo ra hình thức sinh hoạt và tín ngưỡng tâm linh đặc thù. Nó hòa nhập, đồng thời có tính ứng dụng trong đời sống thường nhật và tập tục xã hội, từ đó mà trở thành văn hóa Thiên Hậu. Cũng chính vì thế mà tín ngưỡng Thiên Hậu được quy vào loại hình tín ngưỡng dân gian. Văn hóa Thiên Hậu cũng ảnh hưởng đến sự tu dưỡng phẩm chất, đạo đức của con người, lan tỏa tình yêu thương của Thiên Hậu đến nhiều người khác và mang đến một niềm tin về nền kinh tế phát triển nhờ sự phù hộ của Thiên Hậu.

Sự chuyên hóa của Thiên Hậu từ một vị thần cứu hộ trên biển sang một vị thần nhân ái giúp dân an cư trên đất liền là một góc nhìn văn hóa trong cộng đồng dân cư người Hoa nói riêng và cộng đồng người Việt nói chung. Vì ngày nay không chỉ người Hoa tham dự vào tín ngưỡng Thiên Hậu mà cả người Việt cũng tới cúng bái cầu xin làm ăn phát đạt, buôn may bán đất. Giữa văn hóa Hoa và văn hóa Việt ở phương diện nhất định có sự hài hòa, kết nối. Ở một phương diện ý nghĩa khác, Thiên Hậu đứng trung dung, không thiên về bất cứ giáo phái nào, mà chỉ có một lòng từ bi cứu giúp mọi người vượt qua sóng gió gian lao, an cư lạc nghiệp. Tín ngưỡng Thiên Hậu và các tín ngưỡng thờ cúng dân gian khác trong cộng đồng người Hoa và người Việt đều là việc làm có ích, giúp đỡ, củng cố niềm tin của cư dân, thiết lập nên mối quan hệ hợp tác, tương trợ giữa các cộng đồng cư dân. Lòng từ bi, bác ái, hài hòa ấy đều xuất phát từ các giá trị đạo đức của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, chú trọng cái nhất thể giữa con người với thiên nhiên. Có một hệ thống dày đặc các ngôi miếu Thiên Hậu ở vùng đất Nam Bộ: Ngoài vùng Tây Nam Bộ tổng cộng có 74 miếu

Thiên Hậu thì ở vùng Đông Nam Bộ là địa phương đứng thứ hai về số miếu Thiên Hậu với 58 miếu thờ. Nhiều miếu thờ đã Việt hóa hoàn toàn hay Việt hóa một phần, điều đó thể hiện sinh động quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Hoa - Việt ở vùng Đông Nam Bộ (Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 71). Bên cạnh các miếu chính thờ Thiên Hậu, hệ thống gần 50 miếu tự phối thờ Thiên Hậu rải rác khắp vùng giúp củng cố tính phổ biến của tục thờ Thiên Hậu trong vùng. Hệ thống 16 miếu thờ Thiên Hậu do người Việt xây, quản lý và tổ chức sinh hoạt đã bước đầu khẳng định tính lan tỏa của tín ngưỡng Thiên Hậu, đồng thời một lần nữa làm sống động tinh thần khai mở, dung nạp và tái cấu trúc văn hóa của người Việt trong vùng (Nguyễn Ngọc Thơ 2017: 118).

5. Kết luận

Tín ngưỡng Thiên Hậu mặc dù có nguồn gốc từ Trung Hoa, nhưng qua quá trình du nhập và phát triển đã hòa nhập vào đời sống tín ngưỡng của người dân Nam Bộ nói chung và người dân Việt Nam nói riêng. Người Việt, người Hoa đều tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng thờ Thiên Hậu. Người Việt tiếp nhận tín ngưỡng thờ Thiên Hậu một cách tự nhiên như cách họ tiếp nhận tín ngưỡng thờ Phật Bà Quan Âm. Thiên Hậu giống như Phật Bà Quan Âm, đều là những vị Phật, vị thần mang lại những điều tốt đẹp cho con người.

Thờ Thiên Hậu là một trong những tín ngưỡng quan trọng của đồng bào người Việt gốc Hoa trên đất Nam Bộ. Sự biến chuyển trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu là Bà từ một vị thần trên biển đã trở thành một vị thần trên đất liền, gắn bó sâu sắc với vùng đất nơi con người đến khai hoang lập nghiệp. Ân sâu trong đó là mạch nguồn văn hóa, nhân ái, thiện lương, là điều mà con người luôn phát huy và hướng tới. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu đã sử dụng những yếu tố giúp đời đẹp đạo trong Nho, Phật, Đạo làm tôn chỉ hướng tới.

Các hoạt động tín ngưỡng cũng như những hoạt động từ thiện, công ích xã hội ở chùa Bà Thiên Hậu cho thấy chùa Bà Thiên Hậu vừa là nơi có chức năng tín ngưỡng lại vừa có vai trò kết nối xã hội. Lễ hội hàng năm ở miếu Bà lan tỏa một giá trị nhân văn, lan tỏa tình người và sự tử tế. Cộng đồng người Hoa mượn tục thờ Thiên Hậu để thực hiện chức năng giáo dục truyền thống, định hướng cộng đồng mình về nhân cách, đạo đức sống cao đẹp, tức kết hợp thần quyền với ứng xử xã hội. Nhờ vậy, tục thờ Thiên Hậu vẫn giữ nguyên tính tôn nghiêm của mình sau hàng trăm năm tồn tại trên đất Việt. Thông qua tín ngưỡng này, người Hoa gìn giữ đặc trưng văn hóa tộc người mình, nhất là các yếu tố thuần phong mỹ tục. Chính vì vậy mà Thiên Hậu miếu hàng năm luôn thu hút một lượng lớn du khách hành hương và khách du lịch các nơi tụ tập về, tạo nên một mạng lưới xã hội sâu rộng, vừa có ý nghĩa cảnh quan văn hóa vừa có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc./.

Chú thích

(1) Nguyên văn nội dung ghi trong văn bia: ...百世仰母儀之重嶼島熏修飛昇白日東南樹績海若潛蹤是以在生有水德之瑞為神有靖海之功史冊所載歷二十四命迨乎聖廟特隆嶽號加封天上聖母亦其允有功德於民克配上帝故稱之也於后之護國庇民固宜天下萬世之所瞻禮自宋典以來千有餘載后之豐功大烈神昭海表使臣書之豈不偉哉。

(2) Nguyên văn: 民間信仰是指民間社會化與世俗化的宗教，源起於古代原始信仰的泛靈崇拜，是一種非儒、非道、非佛的宗教，又與三教有著密不可分的关系。民間信仰就其本質而言，是一套觀念，在「百姓日用而不知」的社會習俗中，傳承了鄉土百姓的心靈世界)。

Tài liệu tham khảo

1. Phan An (2005), *Người Hoa ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội.
2. Dân tục khúc nghệ (2007), "Tái tạo và đổi mới truyền thống: trải nghiệm hành hương và rước kiệu dâng hương Ma Tổ ở Bạch Sa Đồn", số 158.

3. Nguyễn Văn Hầu (1957), *Việt Nam Tam giáo sử đại cương*, Nxb. P. VĂN – TƯƠI, Sài Gòn.

4. Phạm Ngọc Hường (2020), *Văn bia Hán Nôm Thành phố Hồ Chí Minh: khảo cứu và giới thiệu*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

5. Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam Bộ: Tín ngưỡng và tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội.

6. Trịnh Chí Minh (1999), *Tín ngưỡng truyền thống - hiện tượng tôn giáo mới Đài Loan*, Trung tâm Nghiên cứu văn hoá tôn giáo, Học viện Quản lý Nam Hoa - Gia Nghĩa.

7. Sơn Nam (2014), *Đất Gia Định-Bến Nghé xưa và người Sài Gòn*, Nxb. Trẻ.

8. Hoàng Trọng Nguyên (1987), *Ghi chép về việc sửa sang xây mới Thánh Đôn Thuận Tế tổ miếu*, Tứ như tập, quyển 2, Tứ khố toàn thư Cảnh ấn văn uyên các, quyển 1188.

9. Nguyễn Tâm (2011), *Từ điển thuật ngữ và điển tích Tam giáo*, Nxb. Tôn giáo.

10. Nguyễn Ngọc Thơ (2017), *Tín ngưỡng vùng Tây Nam Bộ*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

11. Ngô Đức Thịnh (2012), *Tín ngưỡng trong sinh hoạt văn hóa dân gian*, Nxb. Thời đại.

12. TSai Maw Kuey (1968), *Người Hoa ở Việt Nam*, Bộ Quốc gia Giáo dục, Ủy ban Nghiên cứu sử học và khoa học, Thư viện Quốc gia Paris.